

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA**

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA**

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015**



## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	1 – 2
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	3 – 4
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 – 34

3004  
CÔNG  
ẢCH N  
KIỂM  
IFC V  
1 - T

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị Công ty hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### **1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa ("Công ty") được hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004312 đăng ký lần đầu ngày 7 tháng 2 năm 2006, thay đổi lần thứ nhất ngày 7 tháng 8 năm 2007 và thay đổi lần thứ hai vào ngày 17 tháng 6 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ: 29.000.000.000 đồng. Số lượng cổ phiếu: 2.900.000 cổ phiếu. Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phiếu. Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là VBH.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Thiết kế, chế tạo, sản xuất, mua bán thiết bị điện, điện tử, tin học viễn thông (kể cả phần cứng, phần mềm).
- Sản xuất, mua bán máy điều hòa không khí, thiết bị hệ thống lạnh.
- Thiết kế, sản xuất, mua bán các linh kiện, cụm linh kiện, chi tiết cho các thiết bị điện, điện tử, máy điều hòa không khí, hệ thống lạnh.
- Kinh doanh nhà ở, cho thuê căn hộ, văn phòng, kho tàng, nhà xưởng, bến bãi.
- Dịch vụ lắp đặt, bảo trì các thiết bị, hệ thống lạnh, mạng tin học, âm thanh, ánh sáng.
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu dân cư.

Trong năm 2015, hoạt động chính của Công ty là gia công linh kiện điện tử và cho thuê bất động sản.

Công ty có trụ sở chính tại số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### **2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông	Lưu Hoàng Long	Chủ tịch
Ông	Nguyễn Văn Thành	Thành viên
Ông	Trần Thanh Lưu	Thành viên
Bà	Lê Thị Ngọc Thủy	Thành viên
Ông	Hà Hữu Quang	Thành viên

#### **Ban kiểm soát**

Bà	Trần Thị Ngọc Thảo	Trưởng ban kiểm soát
Bà	Hà Thị Phương	Thành viên
Ông	Nguyễn Văn Trãi	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông	Nguyễn Văn Thành	Giám đốc
Ông	Trần Minh Đức	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/01/2016)
Ông	Phan Cao Hiệp	Phó Giám đốc
Ông	Hà Hữu Quang	Phó Giám đốc

#### **Người đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Thành.

189  
IG T  
EM H  
TOA  
ET M  
-H

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

### **4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### **6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

### **7. Phê duyệt báo cáo tài chính**

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



LƯU HOANG LONG  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2016

Số. 119/2016/BCKT-HCM.00195

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Quý Cổ đông, các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần Điện tử Bình Hòa (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 03 năm 2016, từ trang 5 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như được trình bày tại mục 5.11 Thuyết minh báo cáo tài chính, khoản đầu tư của Công ty vào công ty liên kết – Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh (gọi tắt là "Công ty Bình Minh") với số vốn thực góp là 510.000.000 VND. Cho đến ngày lập báo cáo này, Công ty vẫn chưa hoàn tất thủ tục pháp lý để xác định khoản đầu tư vào Công ty Bình Minh là khoản đầu tư vào công ty liên kết. Ngoài ra, Công ty vẫn chưa nhận được báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty Bình Minh. Do đó, chúng tôi không thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp cũng như không thể ước tính được dự phòng đầu tư tài chính dài hạn của giá trị khoản đầu tư nêu trên.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần điện tử Bình Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**NGUYỄN MẠNH HÙNG**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số giấy CN ĐKHN kiểm toán 0061-2015-009-1

**PHẠM THỊ NGỌC LIÊN**  
Kiểm toán viên  
Số giấy CN ĐKHN kiểm toán 1180-2014-009-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM**  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2016

3004  
CÔNG TY  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
KIỂM TOÁN  
AFC VIỆT NAM  
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Mẫu B01-DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>				
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>5.592.976.330</b>	<b>7.421.424.602</b>
1. Tiền	111		2.092.976.330	2.921.424.602
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.500.000.000	4.500.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>11.792.699.079</b>	<b>10.887.869.583</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	6.406.769.234	6.460.063.910
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	8.178.927.400	5.891.142.850
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4.1	1.793.299.557	1.586.836.541
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(4.586.297.112)	(3.050.173.718)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.6</b>	<b>6.591.230.242</b>	<b>7.051.236.001</b>
1. Hàng tồn kho	141		6.591.230.242	7.051.236.001
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>735.513.360</b>	<b>707.467.574</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7.1	83.157.453	7.082.913
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	48.028.754
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	652.355.907	652.355.907
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

899  
G T  
EM H  
TOA  
ET N  
HO



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Mẫu B01-DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.651.384.544</b>	<b>2.695.802.457</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>50.000.000</b>	<b>50.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.4.2	50.000.000	50.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>553.494.584</b>	<b>1.278.682.984</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	553.494.584	1.278.682.984
- Nguyên giá	222		22.294.663.865	22.294.663.865
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.741.169.281)	(21.015.980.881)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	-	-
- Nguyên giá	228		108.436.107	108.436.107
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(108.436.107)	(108.436.107)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	5.10	<b>31.872.148</b>	<b>213.931.448</b>
- Nguyên giá	231		6.211.957.943	6.211.957.943
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(6.180.085.795)	(5.998.026.495)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.11	<b>510.000.000</b>	<b>956.500.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	510.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		510.000.000	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		446.500.000	446.500.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(446.500.000)	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>506.017.812</b>	<b>196.688.025</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7.2	506.017.812	196.688.025
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>26.363.803.555</b>	<b>28.763.800.217</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Mẫu B01-DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>				
	<b>300</b>		<b>5.585.684.452</b>	<b>2.358.260.875</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>				
	<b>310</b>		<b>5.419.473.852</b>	<b>2.192.050.275</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	2.044.401.368	1.773.738.669
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	3.423.626.668	497.449.357
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	57.216.565	-
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	14.193.343	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16.1	1.471.784	2.278.125
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.17	(121.435.876)	(81.415.876)
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>				
	<b>330</b>		<b>166.210.600</b>	<b>166.210.600</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.16.2	166.210.600	166.210.600
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Mẫu B01-DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>20.778.119.103</b>	<b>26.405.539.342</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.18	<b>20.778.119.103</b>	<b>26.405.539.342</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		29.000.000.000	29.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		29.000.000.000	29.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.310.399.740	2.310.399.740
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(10.532.280.637)	(4.904.860.398)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		(4.904.860.398)	88.852.091
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(5.627.420.239)	(4.993.712.489)
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>26.363.803.555</b>	<b>28.763.800.217</b>

*Hoàng Thị Anh Lê*

*Nguyễn Văn Thành*



**HOÀNG THỊ ANH LÊ**  
Người lập biểu

**LÊ THỊ NGỌC THÚY**  
Kế toán trưởng

**NGUYỄN VĂN THÀNH**  
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA  
204 Nơ Trang Long, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu B02-DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	01		<b>89.549.920.635</b>	<b>95.703.355.532</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	10	6.1	<b>89.549.920.635</b>	<b>95.703.355.532</b>
Giá vốn hàng bán	11	6.2	79.975.644.474	85.515.347.115
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	20		<b>9.574.276.161</b>	<b>10.188.008.417</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	708.641.049	437.612.495
Chi phí tài chính	22	6.4	511.512.710	113.262.411
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
Chi phí bán hàng	25	6.5	2.429.690.528	2.388.888.352
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	12.746.205.242	13.278.845.624
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	30		<b>(5.404.491.270)</b>	<b>(5.155.375.475)</b>
Thu nhập khác	31	6.7	170.975.245	818.129.981
Chi phí khác	32	6.8	393.904.214	567.614.904
<b>Lợi nhuận khác</b>	40		<b>(222.928.969)</b>	<b>250.515.077</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	50		<b>(5.627.420.239)</b>	<b>(4.904.860.398)</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.9	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	60		<b>(5.627.420.239)</b>	<b>(4.904.860.398)</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	70	6.10	<b>(1.940)</b>	<b>(1.691)</b>

044  
CÔNG  
NH  
KIỂM  
C VI  
- TP



**HOÀNG THỊ ANH LÊ**  
Người lập biểu



**LÊ THỊ NGỌC THỦY**  
Kế toán trưởng





**NGUYỄN VĂN THÀNH**  
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2016

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Mẫu B03-DN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	01	<b>(5.627.420.239)</b>	<b>(4.904.860.398)</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	907.247.700	946.089.913
- Các khoản dự phòng	03	1.982.623.394	3.048.986.718
- (Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.192.166	(29.143.536)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(187.914.024)	(297.971.671)
- Chi phí lãi vay	06	-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08	<b>(2.924.271.003)</b>	<b>(1.236.898.974)</b>
- (Tăng)/ Giảm các khoản phải thu	09	(2.394.078.491)	3.325.709.394
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10	460.005.759	(2.426.880.276)
- Tăng/ (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	3.267.443.577	(1.058.509.571)
- (Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(385.404.327)	57.800.255
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(336.690.404)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	500.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(40.020.000)	(112.630.660)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>(2.016.324.485)</b>	<b>(1.787.600.236)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	-	(70.280.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	17.727.273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	187.914.024	280.244.398
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>187.914.024</b>	<b>227.691.671</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>-</b>	<b>-</b>

995  
i TY  
V HUU  
TOA  
T N  
HOC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA  
204 Nơ Trang Long, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Mẫu B03-DN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TRONG NĂM (50 = 20 + 30 + 40)	50	(1.828.410.461)	(1.559.908.565)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	7.421.424.602	8.971.379.995
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(37.811)	9.953.172
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50 + 60 + 61)	70	5.592.976.330	7.421.424.602

*lyuu*

*Thanh*



HOÀNG THỊ ANH LÊ  
Người lập biểu

LÊ THỊ NGỌC THÙY  
Kế toán trưởng

NGUYỄN VĂN THÀNH  
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2016

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.*

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa ("Công ty") được hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004312 đăng ký lần đầu ngày 7 tháng 2 năm 2006, thay đổi lần thứ nhất ngày 7 tháng 8 năm 2007 và thay đổi lần thứ hai vào ngày 17 tháng 6 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ: 29.000.000.000 đồng. Số lượng cổ phiếu: 2.900.000 cổ phiếu. Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là VBH.

Công ty có trụ sở chính tại số 204 đường Nơ Trang Long, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

#### 1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Thiết kế, chế tạo, sản xuất, mua bán thiết bị điện, điện tử, tin học viễn thông (kể cả phần cứng, phần mềm).
- Sản xuất, mua bán máy điều hòa không khí, thiết bị hệ thống lạnh.
- Thiết kế, sản xuất, mua bán các linh kiện, cụm linh kiện, chi tiết cho các thiết bị điện, điện tử, máy điều hòa không khí, hệ thống lạnh.
- Kinh doanh nhà ở, cho thuê căn hộ, văn phòng, kho tàng, nhà xưởng, bến bãi.
- Dịch vụ lắp đặt, bảo trì các thiết bị, hệ thống lạnh, mạng tin học, âm thanh, ánh sáng.
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu dân cư.

Trong năm 2015, hoạt động chính của Công ty là gia công linh kiện điện tử, cho thuê bất động sản.

#### 1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 1.4. Cấu trúc của Công ty

Các công ty liên doanh, liên kết bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh	204 Nơ Trang Long, Phường 12, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất linh kiện điện tử

Các chi nhánh trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

Tên chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa	Lô 6, Khu công nghiệp Hố Nai, Trảng Bom, Đồng Nai

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.*

### 1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số 3.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài Chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh, do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

### 1.6. Nhân viên

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, tổng số nhân viên của Công ty là 417 người (ngày 01/01/2015 là 455 người).

## 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## 3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 3.1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (gọi tắt là "Thông tư 200/2014/TT-BTC") và chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### 3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài Chính trong việc lập Báo cáo tài chính.





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.*

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích.

#### 4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
  - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
  - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ (22.450 VND/USD).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Ngoại Thương TP. Hồ Chí Minh (22.450 VND/USD).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Ngoại Thương TP. Hồ Chí Minh (22.520 VND/USD).

#### 4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 4.4 Các khoản đầu tư tài chính

##### Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

1044E  
CÔNG  
H NHIỆ  
TIỆM  
C VIỆ  
- TP. H

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.*

### Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày đầu tư được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

### Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư dài hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất đầu tư đối với các khoản còn đầu tư tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

## 4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## 4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.*

### 4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước chủ yếu bao gồm chi phí công cụ dụng cụ, phí duy trì tên miền, phí duy trì mail, lưu trữ trang web. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 5 năm kể từ khi phát sinh.

### 4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 - 7 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 6 năm

### 4.9 Tài sản cố định vô hình

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 03 năm.

### 4.10 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư bao gồm giá trị nhà kho và phân xưởng của Công ty được dùng cho thuê theo các hợp đồng thuê hoạt động. Khấu hao bất động sản đầu tư được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 5 đến 10 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA  
AM  
BÌNH HÒA

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.*

### 4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

### 4.12 Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

### 4.13 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 4.14 Doanh thu

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.*

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### **Doanh thu gia công**

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận khi hàng hoá đã được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

### **Doanh thu cho thuê**

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

### **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ;
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## **4.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

### **Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### **Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

#### 4.16 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

#### 4.17 Thông tin bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### 4.18 Công cụ tài chính

##### Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.*

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

### Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

### Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

### 4.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty	Quan hệ
Tổng Công ty Điện tử Tin học Việt Nam	Cổ đông chi phối (công ty mẹ)
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Đầu tư và Ứng dụng Công nghệ mới (TECCO)	Cổ đông lớn

## 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	656.110.213	246.575.696
Tiền gửi ngân hàng	1.436.866.117	2.674.848.906
- VND	998.628.647	820.403.268
- USD	438.237.470	1.854.445.638
Các khoản tương đương tiền	3.500.000.000	4.500.000.000
	<b>5.592.976.330</b>	<b>7.421.424.602</b>

Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn bằng USD vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 19.520,60 USD tương đương 438.237.470 VND.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.*

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>Phải thu các bên liên quan</b>		
Công ty Cổ phần TM-DV Bình Minh	314.747.455	189.335.179
<b>Phải thu các khách hàng khác:</b>		
Tohozinc Co., Ltd.	2.123.701.056	2.939.853.849
TDK- Lambda Malaysia SDN.BHD	1.706.560.996	1.586.371.258
Công ty TNHH Kiến Quang	731.160.600	327.055.519
Công ty Cổ phần Điện Tử Thủ Đức 1	650.802.700	207.353.100
Công ty TNHH Điện tử Foster Đà Nẵng	181.500.000	709.500.000
Các khách hàng khác	698.296.427	500.595.005
	<b>6.406.769.234</b>	<b>6.460.063.910</b>

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, trong số dư phải thu thương mại bao gồm khoản phải thu có gốc ngoại tệ là 183.350,31 USD tương đương 4.116.214.437 VND.

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>Trả trước cho các bên liên quan</b>	-	-
<b>Trả trước cho người bán khác:</b>		
Doanh nghiệp tư nhân TM Ngân Long	2.570.029.600	3.095.029.600
Công ty TNHH TM Kiến Quang	2.200.000.000	2.796.113.250
Hongkong kangguan Technology Co.ltd	3.408.897.800	-
	<b>8.178.927.400</b>	<b>5.891.142.850</b>

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, trong số dư trả trước cho người bán bao gồm khoản ứng trước có gốc ngoại tệ là 151.844,00 USD tương đương 3.408.897.800 VND.

### 5.4 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác

5.4.1 Phải thu ngắn hạn khác	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>Phải thu bên liên quan</b>		
Công ty Cổ phần Công nghệ mới (TECCO)	1.502.658.918	1.502.658.918
<b>Phải thu các bên khác</b>		
Phải thu tiền ươm đầu của BHXH	186.868.734	35.780.085
Tạm ứng	6.750.000	-
Các khoản chi hộ	97.021.905	48.397.538
	<b>1.793.299.557</b>	<b>1.586.836.541</b>

5.4.2 Phải thu dài hạn khác	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>Phải thu bên liên quan</b>		
Công ty Cổ Phần TM-DV Bình Minh	50.000.000	50.000.000
	<b>50.000.000</b>	<b>50.000.000</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

### 5.5 Nợ xấu

	Giá gốc VND	31/12/2015		Giá trị hợp lý VND
		Quá hạn	Dự phòng	
<b>Phải thu khách hàng</b>				
Công ty Cổ phần TM - DV Bình Minh	314.747.455	294.312.722	132.280.202	182.467.253
Inquest International INC	176.523.901	176.523.901	72.391.462	104.132.439
Công ty CP Điện tử Thủ Đức 1	650.802.700	650.802.700	195.240.810	455.561.890
Huỳnh Anh Hiệp	129.999.200	81.410.000	40.705.000	89.294.200
<b>Trả trước người bán</b>				
DNTN TM Ngân Long	2.570.029.600	2.570.029.600	1.799.020.720	771.008.880
Công ty TNHH TM Kiến Quang	2.200.000.000	2.200.000.000	844.000.000	1.356.000.000
<b>Phải thu khác</b>				
Công ty CP Công nghệ mới	1.502.658.918	1.502.658.918	1.502.658.918	-
	<b>7.544.761.774</b>	<b>7.475.737.841</b>	<b>4.586.297.112</b>	<b>2.958.464.662</b>

### 5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Hàng mua đang đi đường	372.479.478	-
Nguyên liệu, vật liệu	4.467.219.651	6.882.470.247
Công cụ, dụng cụ	216.663.908	147.662.915
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.921.332	-
Thành phẩm	1.525.945.873	21.102.839
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>6.591.230.242</b>	<b>7.051.236.001</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần</b>	<b>6.591.230.242</b>	<b>7.051.236.001</b>

### 5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

#### 5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Công cụ, dụng cụ	71.054.841	4.816.663
Phần mềm hải quan điện tử và kế toán	12.102.612	2.266.250
	<b>83.157.453</b>	<b>7.082.913</b>

#### 5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Công cụ, dụng cụ xuất hàng	91.852.248	155.283.761
Phí duy trì tên miền, web, chữ ký số	24.266.815	41.404.264
Hệ thống báo cháy	43.068.749	-
Phần mềm microsoft	346.830.000	-
	<b>506.017.812</b>	<b>196.688.025</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.*

### 5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Vào ngày 01/01/2015	16.380.187.624	2.403.786.054	2.180.606.551	1.330.083.636	22.294.663.865
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Vào ngày 31/12/2015	16.380.187.624	2.403.786.054	2.180.606.551	1.330.083.636	<b>22.294.663.865</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Vào ngày 01/01/2015	15.372.594.395	2.403.786.054	1.977.500.896	1.262.099.536	21.015.980.881
Khấu hao trong năm	654.634.400	-	52.984.000	17.570.000	725.188.400
Vào ngày 31/12/2015	16.027.228.795	2.403.786.054	2.030.484.896	1.279.669.536	<b>21.741.169.281</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Vào ngày 01/01/2015	1.007.593.229	-	203.105.655	67.984.100	1.278.682.984
Vào ngày 31/12/2015	352.958.829	-	150.121.655	50.414.100	<b>553.494.584</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Vào ngày 31/12/2015	5.834.365.873	2.403.786.054	1.862.702.096	1.259.803.636	<b>11.360.657.659</b>
---------------------	---------------	---------------	---------------	---------------	-----------------------

### 5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Bản quyền hệ điều hành Microsoft VND
<b>Nguyên giá</b>	
Vào ngày 01/01/2015	108.436.107
Vào ngày 31/12/2015	<b>108.436.107</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Vào ngày 01/01/2015	108.436.107
Vào ngày 31/12/2015	<b>108.436.107</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Vào ngày 01/01/2015	-
Vào ngày 31/12/2015	-
Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	
Vào ngày 31/12/2015	<b>108.436.107</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.*

**5.10 Tình hình tăng giảm bất động sản đầu tư**

	Nhà cửa VND
<b>Nguyên giá</b>	
Vào ngày 01/01/2015	6.211.957.943
Vào ngày 31/12/2015	<b>6.211.957.943</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Vào ngày 01/01/2015	5.998.026.495
Khấu hao trong năm	182.059.300
Vào ngày 31/12/2015	<b>6.180.085.795</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Vào ngày 01/01/2015	213.931.448
Vào ngày 31/12/2015	<b>31.872.148</b>

Vào ngày 31/12/2015, bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng có nguyên giá là 3.875.657.931 VND (31/12/2014: 3.875.657.931VND).

**5.11 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

	31/12/2015		01/01/2015		
	Giá gốc VND	Dự phòng	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>					
Công ty CP TM DV Bình Minh	-		- 510.000.000	510.000.000	
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>					
Công ty CP TM DV Bình Minh	510.000.000	-510.000.000		-	-
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>					
Cao ốc căn hộ - Thương mại	446.500.000	(446.500.000)	-	446.500.000	446.500.000
dịch vụ - Văn phòng cho thuê					
	<b>956.500.000</b>	<b>(446.500.000)</b>	<b>510.000.000</b>	<b>956.500.000</b>	<b>956.500.000</b>

**Đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.**

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh (gọi tắt "Công ty Bình Minh"). Công ty Bình Minh được hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001194 ngày 11 tháng 9 năm 2002 và thay đổi lần thứ nhất vào ngày 11 tháng 5 năm 2007 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hoạt động chính của công ty Bình Minh là sản xuất linh kiện điện tử. Vốn điều lệ đăng ký là 5.000.000.000 VND, trong đó Công ty phải góp 51% tương ứng 2.550.000.000 VND. Tuy nhiên, đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã góp 510.000.000 VND đạt 20% của số vốn mà Công ty phải góp; và chỉ đạt 30% trên tổng số vốn mà các cổ đông đã góp vào công ty này 1.699.000.000 VND. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản đầu tư này chuyển thành khoản đầu tư vào công ty liên kết. Công ty đang trong giai đoạn hoàn tất thủ tục pháp lý để xác định đây là khoản đầu tư vào công ty liên kết.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.*

### Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Khoản góp vốn đầu tư vào dự án Cao ốc căn hộ - Thương mại dịch vụ - Văn phòng cho thuê tại số 204 Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 11/HĐNT ngày 9 tháng 12 năm 2008 với Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng và Ứng Dụng Công Nghệ Mới (TECCO). Đây là khoản ứng trước theo thỏa thuận của Hợp đồng nguyên tắc.

Ngày 22 tháng 10 năm 2010, Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam có công văn số 31-CV/ĐT-HĐQT về việc thống nhất chủ trương hợp khối khu điện tử EMART, phường 12, quận Bình Thạnh: "Xây dự án khu liên hợp thương mại, dịch vụ tại 204 và 248A Nơ Trang Long" (hợp khối đất của Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa và Công ty Cổ phần Điện tử Tân Bình để thực hiện dự án), nên dự án đầu tư góp vốn với TECCO không thực hiện được. Trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngày 30 tháng 5 năm 2015, Đại hội cổ đông thống nhất chi phí của dự án tại 204 Nơ Trang Long, Quận Bình Thạnh sẽ tìm đối tác khác và đưa vào chi phí của dự án đầu tư sắp tới.

### 5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	-	-
<b>Phải trả người bán khác</b>		
Nemic Lambda SDN.BHD	1.671.921.890	1.773.738.669
Công ty TCL China	372.479.478	-
	<u>2.044.401.368</u>	<u>1.773.738.669</u>

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, trong số dư phải trả người bán ngắn hạn có gốc ngoại tệ là 90.774,65 USD tương đương 2.044.401.368 VND.

### 5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
TCL (VN) Corporation Limited	-	497.449.357
Công ty TNHH Điện tử điện lạnh Đa Linh	3.423.626.668	-
	<u>3.423.626.668</u>	<u>497.449.357</u>

### 5.14 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp nhà nước

	01/01/2015		Số phát sinh trong năm		31/12/2015	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế GTGT	-	-	269.204.415	(211.987.850)	-	57.216.565
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	932.359.247	(932.359.247)	-	-
Thuế TNDN	(652.355.907)	-	-	-	(652.355.907)	-
Thuế TNCN	-	-	1.400.975	(1.400.975)	-	-
Tiền thuế đất	-	-	4.411.007.312	(4.411.007.312)	-	-
Thuế khác	-	-	4.000.000	(4.000.000)	-	-
<b>Cộng</b>	<u>(652.355.907)</u>	<u>-</u>	<u>5.617.971.949</u>	<u>(5.560.755.384)</u>	<u>(652.355.907)</u>	<u>57.216.565</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.*

**5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Chi phí tư vấn báo cáo giám sát môi trường	12.953.343	-
Chi phí khác	1.240.000	-
	<b>14.193.343</b>	<b>-</b>

**5.16 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác**

**5.16.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Kinh phí công đoàn	-	2.278.125
Bảo hiểm thất nghiệp	1.471.784	-
	<b>1.471.784</b>	<b>2.278.125</b>

**5.16.2 Phải trả dài hạn khác**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn:		
- Công ty TNHH Công nghệ Truyền thông Nam Đông	94.056.600	94.056.600
- Công ty TNHH GNTM ML Toàn Thế	28.710.000	28.710.000
- Tổ chức, cá nhân khác	43.444.000	43.444.000
	<b>166.210.600</b>	<b>166.210.600</b>

**5.17 Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	01/01/2015 VND	Tăng do trích từ lợi nhuận VND	Chi quỹ trong năm VND	31/12/2015 VND
Quỹ khen thưởng	(41.931.444)	-	(7.050.000)	(48.981.444)
Quỹ phúc lợi	(39.484.432)	-	(32.970.000)	(72.454.432)
	<b>(81.415.876)</b>	<b>-</b>	<b>(40.020.000)</b>	<b>(121.435.876)</b>

Trong năm, Công ty không thực hiện việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi. Tuy nhiên, Công ty đã sử dụng quỹ này để chi dẫn đến số dư quỹ này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bị âm 121.435.876 VND (31/12/2014: âm 81.415.876 VND)

**5.18 Vốn chủ sở hữu ("CSH")**

**5.18.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư 01/01/2014	29.000.000.000	1.804.808.050	505.591.690	88.852.091	31.399.251.831
Lỗ trong năm	-	-	-	(4.904.860.398)	(4.904.860.398)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(88.852.091)	(88.852.091)
Phân loại lại	-	505.591.690	(505.591.690)	-	-
Số dư 31/12/2014	<b>29.000.000.000</b>	<b>2.310.399.740</b>	<b>-</b>	<b>(4.904.860.398)</b>	<b>26.405.539.342</b>
Số dư 01/01/2015	29.000.000.000	2.310.399.740	-	(4.904.860.398)	26.405.539.342
Lỗ trong năm	-	-	-	(5.627.420.239)	(5.627.420.239)
Số dư 31/12/2015	<b>29.000.000.000</b>	<b>2.310.399.740</b>	<b>-</b>	<b>(10.532.280.637)</b>	<b>20.778.119.103</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

### 5.18.2 Vốn đầu tư chủ sở hữu

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004312 đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 17 tháng 6 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ là 29.000.000.000 VND được chia thành 2.900.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

### 5.18.3 Cổ phiếu

	31/12/2015 Cổ phiếu	01/01/2015 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.900.000	2.900.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.900.000	2.900.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.900.000	2.900.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.900.000	2.900.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.900.000	2.900.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu.

## 5.19 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

### 5.19.1 Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Nợ khó đòi đã xử lý	30.303.500	30.303.500

### 5.19.2 Ngoại tệ các loại

	31/12/2015	01/01/2015
Dollar Mỹ (USD)	19.520,60	87.284,46

## 6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 6.1.1. Doanh thu thuần

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Tổng doanh thu</b>		
Doanh thu tiêu thụ thành phẩm	79.021.590.401	85.438.259.849
- Nội địa	43.026.646.866	45.259.838.891
- Xuất khẩu	35.994.943.535	40.178.420.958
Doanh thu cho thuê bất động sản	6.631.113.881	6.078.439.125
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.866.118.489	1.937.224.838
Doanh thu bán hàng hóa	1.747.146.000	1.955.200.000
Doanh thu bán vật tư	255.344.375	263.326.899
Doanh thu bán phế liệu	28.607.489	30.904.821
	<b>89.549.920.635</b>	<b>95.703.355.532</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>89.549.920.635</b>	<b>95.703.355.532</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.*

### 6.1.2. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Công ty CP TM DV Bình Minh	125.412.276	207.656.941
	<u>125.412.276</u>	<u>207.656.941</u>

### 6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn thành phẩm	75.398.355.927	81.503.720.888
- Nội địa	43.654.726.527	44.919.973.664
- Xuất khẩu	31.743.629.400	36.583.747.224
Giá vốn bất động sản	1.527.809.298	872.459.358
Giá vốn dịch vụ	1.208.350.451	1.132.051.497
Giá vốn bán hàng hóa	1.718.493.864	1.880.000.000
Giá vốn bán vật tư	122.634.934	128.302.372
Dự phòng /(hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	-	(1.187.000)
	<u>79.975.644.474</u>	<u>85.515.347.115</u>

### 6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	187.914.024	280.244.398
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	520.727.025	153.912.975
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ	-	3.455.122
	<u>708.641.049</u>	<u>437.612.495</u>

### 6.4. Chi phí tài chính

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Dự phòng đầu tư tài chính	446.500.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	63.820.544	80.663.754
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ	1.192.166	32.598.657
	<u>511.512.710</u>	<u>113.262.411</u>

### 6.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí vật liệu bao bì	1.951.239.567	1.718.367.716
Chi phí xuất hàng	424.894.598	473.332.545
Chi phí quảng cáo	53.556.363	197.188.091
	<u>2.429.690.528</u>	<u>2.388.888.352</u>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.*

<b>6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>Năm 2015</b> VND	<b>Năm 2014</b> VND
Chi phí nhân viên	5.152.758.075	5.558.998.528
Chi phí đồ dùng văn phòng	388.982.165	415.505.056
Chi phí khấu hao	60.584.000	64.514.780
Tiền thuê đất	3.087.893.612	1.475.657.974
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.536.123.394	3.050.173.718
Chi phí dịch vụ mua ngoài	786.071.086	630.130.985
Chi phí khác bằng tiền	1.733.792.910	2.083.864.583
	<b>12.746.205.242</b>	<b>13.278.845.624</b>
<b>6.7. Thu nhập khác</b>	<b>Năm 2015</b> VND	<b>Năm 2014</b> VND
Thu do khách hàng hỗ trợ	54.554.305	800.402.708
Thu thanh lý tài sản	-	17.727.273
Khác	116.420.940	-
	<b>170.975.245</b>	<b>818.129.981</b>
<b>6.8. Chi phí khác</b>	<b>Năm 2015</b> VND	<b>Năm 2014</b> VND
Chi đền bù, bồi thường	282.654.478	331.104.128
Chi phí khác	111.249.736	236.510.776
	<b>393.904.214</b>	<b>567.614.904</b>
<b>6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>Năm 2015</b> VND	<b>Năm 2014</b> VND
<b>Lợi nhuận trước thuế theo kế toán</b>	<b>(5.627.420.239)</b>	<b>(4.904.860.398)</b>
Cộng:		
- Chi phí không được trừ	314.938.689	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm của nợ phải thu và tiền	-	29.143.535
- Các khoản phạt	-	236.510.776
Trừ:		
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm trước của nợ phải thu và tiền	(29.143.535)	(8.705.162)
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>(5.341.625.085)</b>	<b>(4.647.911.249)</b>
Thuế suất	22%	22%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>6.10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>Năm 2015</b>	<b>Năm 2014</b>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(5.627.420.239)	(4.904.860.398)
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	2.900.000	2.900.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	<b>(1.940)</b>	<b>(1.691)</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.*

### 6.11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	49.037.749.223	50.256.896.806
Chi phí nhân công	27.083.813.569	31.891.235.518
Chi mua hàng hóa	1.718.493.864	-
Chi phí khấu hao	907.247.700	946.089.913
Chi phí dự phòng/(hoàn nhập dự phòng)	1.536.123.394	3.048.986.718
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.572.930.460	5.022.970.090
Chi phí khác	5.808.946.400	10.016.902.046
	<b>96.665.304.610</b>	<b>101.183.081.091</b>

### 7. THÔNG TIN BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý tại thuyết minh mục số 6.1 và 6.2.

Công ty không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý.

### 8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

#### i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Các phân tích về độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan tới tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Các phân tích độ nhạy này được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

#### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.*

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, chủ yếu bằng VND, và ngoài ra, bằng Đô la Mỹ (USD). Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là VND, và USD.

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có các khoản tài sản/ nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.520,60
Phải thu khách hàng	183.350,31
Phải trả người bán	90.774,65

### ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

#### *Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

### iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.*

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	VND Tổng cộng
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>			
Phải trả người bán	2.044.401.368	-	2.044.401.368
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.471.784	166.210.600	167.682.384
Chi phí phải trả	14.193.343	-	14.193.343
	<b>2.060.066.495</b>	<b>166.210.600</b>	<b>2.226.277.095</b>
<b>Ngày 01 tháng 01 năm 2015</b>			
Phải trả người bán	1.773.738.669	-	1.773.738.669
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	166.210.600	166.210.600
	<b>1.773.738.669</b>	<b>166.210.600</b>	<b>1.939.949.269</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

### Tài sản đảm bảo

Công ty có nắm giữ tiền đặt cọc vào ngày 31/12/2015 là 166.210.600 VND (ngày 01/01/2015 là 166.210.600 VND)

### iv. Giá trị hợp lý

(1) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Bảng sau đây thể hiện tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và tương đương tiền	5.592.976.330	7.421.424.602	5.592.976.330	7.421.424.602
Phải thu khách hàng	6.406.769.234	6.460.063.910	6.406.769.234	6.460.063.910
Phải thu khác	1.649.680.823	1.601.056.456	147.021.905	98.397.538
Đầu tư dài hạn	446.500.000	446.500.000	-	446.500.000
	<b>14.095.926.387</b>	<b>15.929.044.968</b>	<b>12.146.767.469</b>	<b>14.426.386.050</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả người bán	2.044.401.368	1.773.738.669	2.044.401.368	1.773.738.669
Dự phòng phải trả	14.193.343	-	14.193.343	-
Phải trả ngắn hạn khác	167.682.384	168.488.725	167.682.384	168.488.725
	<b>2.226.277.095</b>	<b>1.942.227.394</b>	<b>2.226.277.095</b>	<b>1.942.227.394</b>

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tuy nhiên Ban Giám đốc ước tính giá trị hợp lý của những tài sản và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.*

(2) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

### Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, không bao gồm các khoản phải thu và phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, được ước tính theo giá trị hiện tại của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày báo cáo. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

### Nợ phải trả tài chính phi phải sinh

Giá trị hợp lý, xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin, được tính dựa trên giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai trả gốc và lãi, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Đối với cấu trúc phần nợ của trái phiếu chuyển đổi, lãi suất thị trường được xác định bằng cách tham chiếu các khoản nợ phải trả tương tự không có quyền lựa chọn chuyển đổi. Đối với các khoản nợ thuê tài chính, lãi suất thị trường được xác định bằng cách tham khảo các hợp đồng thuê tương tự.

### v. Phòng ngừa rủi ro

Công ty không áp dụng chính sách kế toán phòng ngừa rủi ro.

## 9. CÁC THÔNG TIN KHÁC

### 9.1. Các giao dịch chủ yếu với các bên có liên quan

#### Giao dịch với các thành viên chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thu nhập Ban giám đốc	609.158.010	624.104.908
Thù lao Hội đồng quản trị	-	-
	<u>609.158.010</u>	<u>624.104.908</u>

#### Các bên liên quan khác

Trong năm tài chính này có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các bên có liên quan như sau:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu/(Phải trả) VND
Công ty CP TM DV Bình Minh	Cho thuê kho xưởng, dịch vụ	125.412.276

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, số dư các khoản phải thu/(phải trả) với các bên có liên quan như sau:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu/(Phải trả) VND
Công ty Cổ phần TM DV Bình Minh	Phải thu tiền dịch vụ Phải thu khác	314.747.455 50.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Mới	Phải thu khác	1.502.658.918

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.*

### 9.2. Trình bày lại

Sau ngày phát hành báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, Giám đốc Công ty đã quyết định trình bày lại báo cáo này để phù hợp với Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, việc trình bày lại được thực hiện cho các khoản mục sau:

	Mã số	Số liệu đã phát hành VND	Trình bày lại VND	Thay đổi thuần VND
Các khoản phải thu khác	135	1.636.836.541	-	(1.636.836.541)
Phải thu ngắn hạn khác	136	-	1.586.836.541	1.586.836.541
Phải thu dài hạn khác	216	-	50.000.000	50.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	1.804.808.050	2.310.399.740	505.591.690
Quỹ dự phòng tài chính	418	505.591.690	-	(505.591.690)

### 9.3. Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại số 204 Nơ Trang Long, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh để làm văn phòng, kho và nhà xưởng sản xuất và thuê đất tại Khu công nghiệp Hố Nai, xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai để làm nhà máy sản xuất. Tổng số tiền thuê tối thiểu phải trả hàng năm trong tương lai cho hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	Trong vòng 1 năm VND	Từ 2 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Số 204 Nơ Trang Long, Bình Thạnh, TP.HCM	4.268.975.530	17.075.902.120	320.173.165	21.665.050.815
Khu công nghiệp Hố Nai, tỉnh Đồng Nai	251.686.373	1.006.745.494	7.275.134.449	8.533.566.316
	<b>4.520.661.903</b>	<b>18.082.647.614</b>	<b>7.595.307.614</b>	<b>30.198.617.131</b>

### 9.4. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày lập Bảng cân đối kế toán cho đến thời điểm lập Báo cáo này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

  
  
  


**HOÀNG THỊ ANH LÊ**  
Người lập biểu

**LÊ THỊ NGỌC THÙY**  
Kế toán trưởng

**NGUYỄN VĂN THÀNH**  
Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2016

Ho Chi Minh City Head Office  
2/F Indochina Park Tower,  
No. 4 Nguyen Dinh Chieu Street,  
Dakao Ward, District 1,  
Ho Chi Minh City, Vietnam  
Tel : +84 82 2200 237  
Fax : +84 82 2200 265  
Email: pkf.afchcm@pkf.afcvietnam.vn

Ha Noi City Office  
10/F Center Building,  
No.1 Nguyen Huy Tuong Street,  
Thanh Xuan Trung Ward,  
Thanh Xuan District, Ha Noi City, Vietnam  
Tel : + 844 66644468  
Fax : + 844 66642233  
Email: pkf.afchn@pkf.afcvietnam.vn

Can Tho City Office  
A1-28 Street 05, Cong An Residence,  
Thanh Loi Area, Phu Thu Ward,  
Cai Rang District  
Can Tho City, Vietnam  
Tel : +84 710 362 7688  
Fax : +84 710 362 3209  
Email: pkf.afcot@pkf.afcvietnam.vn

[www.pkf.afcvietnam.vn](http://www.pkf.afcvietnam.vn)